

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 12 năm 2021

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ánh Tuyết

Ông Nguyễn Xuân Hòa

-Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc *ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nhật L, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: 303A Cách Mạng Tháng T, tổ 13, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 45 Cù Chính L, tổ 8, phường Diên H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2021, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Phạm Thị Nhật L trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường Diên H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trước đây vợ chồng sống hòa thuận, không có mâu thuẫn, tuy nhiên bắt đầu từ năm 2016 chồng tôi làm ăn đổ bể, nợ nần tiền bạc và phải bán nhà để trả nợ. Từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau và không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2019 chồng tôi tiếp tục nợ

nần mà tôi không biết vì sao, sau đó anh H đã bỏ đi khỏi nhà và đến tháng 02/2020 chồng tôi bị bắt tạm giam để điều tra vụ án lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tôi đã cố gắng để níu kéo vợ chồng nhưng tôi không thể gồng gánh thêm được nữa. Từ việc bị tạm giam khiến chồng tôi không thể hoàn thành nghĩa vụ yêu thương, quan tâm và thực hiện các công việc trong gia đình với tôi. Từ mâu thuẫn và việc không sống chung với nhau nữa nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

* Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là cháu Nguyễn Nhật Lam A, sinh ngày 29/01/2008; Nguyễn Nhật Anh T, sinh ngày 29/11/2012. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền án phí tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Hiện nay tôi đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Tôi là bị đơn trong vụ án ly hôn mà nguyên đơn là bà Phạm Thị Nhật L. Tôi đồng ý với đơn khởi kiện ly hôn của vợ tôi Phạm Thị Nhật L và không yêu cầu hòa giải. Đồng ý để vợ tôi là Phạm Thị Nhật L trực tiếp nuôi dưỡng hai con gái là Nguyễn Nhật Lam A, sinh ngày 29/01/2008 và Nguyễn Nhật Anh T, sinh ngày 29/11/2012. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Tôi đề nghị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Phạm Thị Nhật L và anh Nguyễn Văn H tự do đăng ký kết hôn vào năm 2007, tại Ủy ban nhân dân phường Diên H, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị L và anh H được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án thông báo hợp lệ để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, anh H xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử. Vì vậy

Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H làm ăn kinh tế đổ bể, nợ nần, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không còn tiếng nói chung, năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng, anh H bỏ đi khỏi địa phương và đến tháng 02/2020 thì anh H bị bắt tạm giam. Nay chị L xin ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn với chị L nhưng xin được xét xử vắng mặt, vì anh H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai Vì vậy có cơ sở xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho chị L được ly hôn với anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Nhật Lam A, sinh ngày 29/01/2008; Nguyễn Nhật Anh T, sinh ngày 29/11/2012 (Cả hai con đều có nguyện vọng sống với mẹ). Chị L đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh H cũng đồng ý để chị L nuôi cả hai con chung. HĐXX xét thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, là nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của vợ, chồng, nhưng căn cứ quyền lợi mọi mặt và đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với thực tế chị L đang chăm sóc, nuôi dưỡng con; nên HĐXX xét thấy cần thiết giao cháu A và cháu T cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Nhật L và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Phạm Thị Nhật L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[7] Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị L được ly hôn với anh H. Giao cháu A và cháu T cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nhật L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Nhật L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Chị L và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Nhật Lam A, sinh ngày 29/01/2008; Nguyễn Nhật Anh T, sinh ngày 29/11/2012 (Cả hai con đều có nguyện vọng sống với mẹ).

Giao cháu A và cháu T cho chị Phạm Thị Nhật L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chị Phạm Thị Nhật L tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000821, ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.P;
- Các đương sự;
- THA DS TP.P (Để thi hành);
- UBND phường Diên H, thành phố P, Tỉnh Gia Lai (số 20, ngày 15/3/2007);
- Lưu.

Hoàng Văn Tiến